



TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ III NĂM 2026 VÀ CÔNG KHAI 9 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 287/TB-UBND ngày 05/10/2026 của UBND xã Cát Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước Quý III (hoặc 03 tháng) so (%)	
			Quý III	Lũy kế 9 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	173.803,0	32.186,1	113.317,0	65,2	
I	Thu nội địa	173.803,0	32.186,1	113.317,0	65,2	
II	Thu từ các khoản huy động, đóng góp					
III	Thu viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	242.314,0	76.200,6	246.129,0	101,6	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	47.364,00	16.535,04	45.749,31	96,6	440,2
1	Các khoản thu NSX hưởng 100%	2.940,0	1.051,4	2.331,8	79,3	589,3
2	Các khoản thu phân chia NSX theo tỷ lệ %	44.424,0	15.483,7	43.417,5	97,7	434,3
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	194.950,0	59.665,5	167.945,8	86,1	111,1
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	191.950	47.985,0	143.965,0	75,0	580,8
2	Thu bổ sung có mục tiêu	3.000	11.680,5	23.980,8	799,4	19,0
III	Thu kết dư					
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			32.433,9		139,0
C	TỔNG CHI NSDP	242.314,0	60.390,5	145.994,0	60,2	
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	239.314,0	60.390,5	145.994,0	61,0	113,3
1	Chi đầu tư phát triển	45.215,0	12.364,0	14.610,0	32,3	53,1
2	Chi thường xuyên	189.199,0	48.026,5	131.384,0	69,4	129,7
3	Chi viện trợ					
4	Dự phòng NSNN	4.900,0				
5	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	3.000,0				
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

Ghi chú:

(1) Trường hợp UBND xã, phường dùng để thực hiện công khai ngân sách thì thời điểm báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách cấp xã (03 tháng, 06 tháng, 09 tháng, năm) thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP



ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ III NĂM 2026 VÀ CÔNG KHAI 09 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 287/TB-UBND ngày 05/10/2026 của UBND xã Cát Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Ước thực hiện		Ước Quý III (hoặc 03 tháng) so (%)	
			Quý III	Lũy kế 09 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	173.803	32.186	113.317	65,20	
I	Thu nội địa	173.803	32.186	113.317	65,20	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước		30	95		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN		877	4.972		
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	5.508	10.452	26.469	480,56	976,1
4	Thuế thu nhập cá nhân	4.810	1.479	5.560	115,59	99,4
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí	10.600	3.974	10.988	103,66	246,3
	<i>Trởo: Lệ phí trước bạ</i>	10.000	3.814	10.502	105,02	249,0
7	Các khoản thu về nhà, đất	151.250	14.557	64.117	42,39	
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>					
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	250	32	78	31,35	108,3
-	<i>Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	1.000	300	963	96,35	202,9
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	150.000	14.225	63.075	42,05	188,6
-	<i>Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN</i>					
8	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
9	Thu từ hoạt động xổ số					
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển					
11	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
-	<i>Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế</i>					
-	<i>Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước</i>					
12	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	715	20,82	20,82	2,91	17,59
13	Thu khác ngân sách	920	796,44	1.095,46	119,07	700,57
II	Thu từ các khoản huy động, đóng góp					
III	Thu viện trợ					
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác					
1	Thuế GTGT					

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Ước thực hiện		Ước Quý III (hoặc 03 tháng) so (%)	
			Quý III	Lũy kế 09 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4	5
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	47.364	16.535	45.749	96,59	
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NST và NSX	44.424	15.484	43.417	97,73	434,33
2	Các khoản thu NSX hưởng 100%	2.940	1.051	2.332	79,31	589,29

Ghi chú: (1) Trường hợp UBND xã, phường dùng để thực hiện công khai ngân sách thì thời điểm báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách cấp xã (03 tháng, 06 tháng, 09 tháng, năm) thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP



ĐOC THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ III NĂM 2026 VÀ CÔNG KHAI 09 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 287/TB-UBND ngày 05/10/2026 của UBND xã Cát Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước Quý III (hoặc 03 tháng) so (%)	
			Quý III	Lũy kế 9 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NSDP	242.314	60.390	145.994	60,25	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	239.314	60.390	145.994	61,01	
I	Chi đầu tư phát triển	234.414	60.390	145.994	62,28	113,32
1	Chi đầu tư cho các dự án theo các lĩnh vực	45.215	12.364	14.610	32,31	53,13
2	Chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật	189.199	48.026	131.384	69,44	129,65
II	Chi trả nợ lãi					
III	Chi thường xuyên					
	Trong đó:					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề					
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
IV	Chi viện trợ					
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VI	Dự phòng ngân sách nhà nước	4.900				
VII	Chi cải cách tiền lương, tính gián biên chế					
VIII	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH CẤP XÃ	3.000				
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách					
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					

Ghi chú: (1) Trường hợp UBND xã, phường dùng để thực hiện công khai ngân sách thì thời điểm báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách cấp xã (03 tháng, 06 tháng, 09 tháng, năm) thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP